ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2437 /QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản của ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP);

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của UBND tỉnh về việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ từ Sở Nông nghiệp và Môi trường về Sở Công Thương;

Căn cứ Phương án số 192/PA-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2026 của UBND tỉnh về chuyển giao, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo quy định tại Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 211/TTr-SCT ngày 25 tháng 9 năm 2026 và Văn bản số 3866/SCT-VP ngày 25/9/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 37 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản của ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng dịch vụ công Quốc gia;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC. NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Đỗ Anh Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: 2437/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
I	**TTHC CẤP TỈNH**					
1	1.116644	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	1.116652	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm	80 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục	- Nhỏ hơn 100 ha: 4.000.000	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	đồng/giấy phép; Từ 100 ha đến 50.000 ha: 10.000.000 đồng/giấy phép; Trên 50.000 ha: 15.000.000 đồng/gp.	- Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
3	1.116653	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	34 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
4	1.116654	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Nhỏ hơn 100 (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; Từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; Trên 50.000 ha, mức thu	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
					là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
5	1.116655	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	- Trường hợp 1: 14 ngày làm việc. - Trường hợp 2: 26 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
6	1.116656	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
7	1.116657	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	- Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đất hiếm: 29 ngày làm việc. - Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhóm I (trừ khoáng sản đất hiếm), nhóm II, nhóm III: 26 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	- Nhỏ hơn 100 (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
8	1.116649	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
9	1.116646	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
10	1.116651	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		khoáng sản đã hết thời hạn		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
11	1.116650	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ và khoáng sản nhóm II: 57 ngày làm việc. - Nhóm III (không phải thông qua Hội đồng tư vấn	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng	Theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			kỹ thuật): 37 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, tăng thêm: 21 ngày làm việc. - Nhóm III (phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật): 42 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, tăng thêm: 21 ngày làm việc.	Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		- Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
12	1.116675	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
13	1.116676	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung thêm: 05 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
14	1.116645	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		- Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
15	1.116658	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nhóm II; nhóm III; nhóm I: 70 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, còn lại: 21 ngày làm việc. - Nhóm III: 55 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, thêm: 21 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			- Nhóm IV: 22 ngày làm việc. Lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh, tăng thêm: 05 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, tăng thêm: 05 ngày làm việc. - Nhóm IV: 12 ngày làm việc. Lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh tăng thêm: 03 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, tăng thêm: 03 ngày làm việc.			- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
16	1.116659	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nhóm II; nhóm III; Nhóm I: 70 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm: 21 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			- Nhóm III: 55 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, tăng thêm: 21 ngày làm việc.	Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		- Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
17	1.116660	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nhóm II; nhóm III; nhóm I: 34 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm: 21 ngày làm việc. - Nhóm IV: 18 ngày làm việc. Lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh, tăng thêm: 05 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung được tăng	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			thêm: 05 ngày làm việc. - Nhóm IV: 10 ngày làm việc. Lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh, tăng thêm: 03 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, tăng thêm: 03 ngày làm việc.			tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
18	1.116661	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nhóm I, II, III và nhóm IV): 34 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm: 21 ngày làm việc; - Nhóm I, II, III): 17 ngày làm việc. Một phần diện tích bị cấm/tạm cấm hoạt động (nhóm I, II, III): 29 ngày làm việc; - Nhóm IV): 18 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			Lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh, tăng thêm: 05 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, còn lại được tăng thêm: 05 ngày làm việc; - Nhóm IV): 10 ngày làm việc. Lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh, tăng thêm: 03 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm: 03 ngày làm việc; - Nhóm IV phục vụ công trình, dự án đặc biệt: 05 ngày làm việc.			định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
19	1.116662	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ	- Nhóm II; nhóm III; nhóm I: 34 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	lại được tăng thêm: 21 ngày làm việc; - Đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 25 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		- Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
20	1.116680	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	34 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại thêm: 21 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
21	1.116663	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và không quy định diện tích khu vực khai thác hoặc mức sâu được phép khai thác: 17 ngày làm việc; - Đối với các trường hợp còn lại: 34 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung được tăng thêm: 21 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
22	1.116673	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép	- Quyết toán định kỳ 5 năm; gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	nhượng giấy phép; đóng cửa mỏ; hoặc hết hiệu lực giấy phép (không phải đóng cửa mỏ): 90 ngày làm việc; - Đối với trường hợp còn lại: trước ngày 31/12/2026.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		- Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
23	1.116664	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	63 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại thêm: 21 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
24	1.116665	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	60ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thêm: 21 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
25	1.116666	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại thêm: 08 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
26	1.116667	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	- Hoàn thành công việc theo đề án/phương án đã được phê duyệt/chấp thuận: 50 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm: 12 ngày làm việc. - Giấy phép chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành khai thác: 29 ngày làm việc. - Đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV: 07 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
27	1.116668	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm 08 ngày làm việc)	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
28	1.116669	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại thêm 05 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	2.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
29	1.116670	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Điều chỉnh khối lượng; tăng/giảm công suất; thay đổi tên; trả lại một phần diện tích; diện tích bị	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
			cấm/tạm cấm; bổ sung khai thác đi kèm:16 ngày làm việc. Cần chỉnh sửa, bổ sung, được tăng thêm: 05 ngày làm việc. - Thay đổi tên tổ chức, cá nhân: 07 ngày làm việc.	- Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		- Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
30	1.116671	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại thêm 05 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
31	1.116672	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại thêm 05 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
32	1.116674	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản: 44 ngày làm việc. - Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư: 13 ngày làm việc - Các trường hợp còn lại: 11 ngày làm việc.	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
33	1.116648	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	39 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
34	1.116647	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
		công nghệ chế biến khoáng sản		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn		21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
35	1.116677	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
II	**TTHC CẤP XÃ (02 THỦ TỤC)**					
1	1.116679	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản: Thời hạn giải quyết là 44 ngày làm việc. - Chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư: 13 ngày làm việc	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
2	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ	- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Gửi dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04/9/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 55/2026/TT-BCT ngày 15/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	**Mã số TTHC**	**Tên TTHC**	**Thời hạn giải quyết**	**Địa điểm thực hiện**	**Phí, lệ phí** *(nếu có)*	**Căn cứ pháp lý cho việc công bố TTHC**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
						- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2329/QĐ-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.